TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/DS-PT
Ngày 18-7-2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu bồi thường thiệt hại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ửng.

Các Thẩm phán: Ông K'Tiêng và ông Nguyễn Hồng Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại"*,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2023, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 205/TB-DS ngày 22 tháng 6 năm 2023 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 217/TB-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị L; địa chỉ: TDP 01, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt*.

- Bị đơn: Ông Vũ Văn C và bà Vũ Thị H; cùng địa chỉ: TDP 01, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt*.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Vũ Thị M; địa chỉ: TDP 03, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (*theo văn bản ủy quyền ngày 31-12-2021*) – *Có mặt*.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Kim L1; địa chỉ: TDP 01, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*.

- Bà Nguyễn Phan Diệu L2; địa chỉ: TDP 01, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*.

- Ông Nguyễn Thành Ch; địa chỉ: TDP 01, phường N, thành phố G, tỉnh

Đắk Nông – *Có mặt*.

- Người làm chứng:

1. Ông Vũ Minh B; địa chỉ: TDP 01, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*.

2. Bà Vũ Thị M; địa chỉ: TDP 03, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt.*

3. Bà Vũ Thị K; địa chỉ: TDP 01, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt.*

4. Ông Nguyễn Hồng A; địa chỉ: TDP 03, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt.*

5. Ông Phạm Trường G; địa chỉ: TDP 03, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt*.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Phan Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 28-11-2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị L trình bày*:** Năm 1998, bà nhận chuyển nhượng 02 thửa đất, một thửa của ông Nguyễn Hồng A và một thửa của ông Nguyễn Thành S. Tại thời điểm chuyển nhượng, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt là GCNQSDĐ*) nên các bên chỉ lập giấy viết tay. Sau đó bà đăng ký kê khai và ngày 24-10-2002, bà được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 390, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.460m^2, tọa lạc tại khối 07, thị trấn G (*nay là tổ 01, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông*). Ranh giới giữa đất của bà và đất của ông Vũ Văn C, bà Vũ Thị H là sinh lầy, có mương nước nhỏ chảy dọc theo mép sình. Quá trình sử dụng đất, gia đình ông C thường xuyên đào lấn mương nước vào phía trong đất của bà gây sạt lở, cây cối gãy đổ, bật gốc. Bà đã nhiều lần yêu cầu gia đình ông C không được đào mương nước vào trong đất của bà nhưng gia đình ông C không nghe mà còn gây sự hành hung và làm hàng rào lưới B40 trên đất. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông C, bà H phải dỡ bỏ hàng rào lưới B40 để trả lại 700m^2 đất có mương nước chảy qua nằm trên diện tích đất của gia đình bà; buộc ông C, bà H bồi thường thiệt hại do sạt lở đất, đổ gãy cây cối và khắc phục hiện trạng đất. Ngày 02-12-2021, bà rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông C, bà H phải bồi thường thiệt hại do sạt lở đất, đổ gãy cây cối và khắc phục phần diện tích đất bị sạt lở. Ngày 28-12-2022, bà có đơn yêu cầu phục hồi lại nội dung khởi kiện đã rút. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà yêu cầu ông C phải trả lại diện tích đất 525m^2 theo kết quả đo đạc của Công ty TNHH Dịch vụ đo đạc AN và đổ 1.400m^3 đất để khôi phục hiện trạng đất do ông C đã làm sạt lở của bà.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Vũ Văn C, bà Vũ Thị H và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Năm 1993, ông bà nhận chuyển nhượng của ông Vũ Văn T1, bà Lương Thị T2 khoảng 06 sào đất, hai bên có lập giấy tờ tay nhưng đã mất. Khi ông bà nhận chuyển nhượng thì trên đất đã có 02 hồ nuôi cá đào từ trước và mương nước chảy qua, bên kia mương nước có đất của ông T1, bà T2 cho con gái là bà Vũ Thị K, sau đó bà K chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hồng A. Giữa ông bà với ông A thỏa thuận là mương nước thuộc về gia đình ông bà gắn với 02 hồ cá; còn từ bên kia mương nước là của gia đình ông A.

Ngày 10-3-2014, ông bà được cấp GCNQSDĐ số X đối với thửa đất số 832, tờ bản đồ số 07, diện tích 3.324m^2. Về nguồn gốc đất bà L đang sử dụng là do nhận chuyển nhượng của ông A. Năm 2017, bà L cho máy múc múc đất ngăn mương nước, ông bà đã đề nghị Ủy ban nhân dân phường giải quyết. Ông bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L vì thực tế 02 hồ cá và mương nước đã có từ trước. Ông A là người chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà L cũng xác nhận 02 hồ cá và mương nước là của ông bà.

Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim L1, anh Nguyễn Thành Ch và chị Nguyễn Phan Diệu L2 cùng trình bày: Anh chị là con của bà L. Thửa đất số 390, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại tổ 01, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình anh chị. Việc ông C, bà H dựng hàng rào lưới B40 lấn chiếm diện tích đất khoảng 700m^2 có mương nước chảy qua là có thật, khiến gia đình anh chị bị thiệt hại, đất sạt lở hàng năm. Anh chị đồng ký với yêu cầu khởi kiện của bà L, yêu cầu Tòa án buộc ông C, bà H phải trả cho gia đình anh chị phần đất lấn chiếm khoảng 700m^2 và buộc ông C, bà H phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật do hành vi lấn chiếm đất gây ra.

Quá trình giải quyết vụ án, những người làm chứng trình bày:

- Ông Vũ Minh B, bà Vũ Thị K, bà Vũ Thị M: Nguồn gốc đất ông C, bà H đang sử dụng là do ông T1, bà T2 khai hoang vào năm 1986. Đầu năm 1986, ông T1 đào 01 ao nhỏ để nuôi cá. Khoảng cuối năm 1986, ông B hợp đồng với phòng Giao thông huyện Đắk Nông (*cũ*) để đào ao thả cá, ngoài ra còn đào một mương nước bên cạnh ao cá để thoát nước mùa mưa, mương nước này chảy từ trên xuống và chảy qua giáp phần đất của khoảng 10 hộ gia đình, khi đào ao không có ai ngăn cản. Năm 1993, ông T1, bà T2 chuyển nhượng diện tích đất khai hoang cho ông C, bà H, việc chuyển nhượng không làm giấy tờ; ông C, bà H sử dụng đất và ao từ khi nhận chuyển nhượng cho đến nay. Hiện trạng ao và mương nước không có gì thay đổi, vào mùa mưa nước ở mương chảy từ trên xuống, không thể ngăn dòng chảy của mương. Đối với nguồn gốc đất bà L đang sử dụng là do ông T1, bà T2 khai hoang năm 1986, cùng năm 1986 ông T1, bà T2 cho con gái là bà K, khi cho không làm giấy tờ. Ông T1, bà T2 và bà K thỏa thuận không được canh tác mương nước trở lên khoảng 02m để tránh sụp lún lấp mương, hiện nay các gốc cây rừng vẫn còn nằm phía trên mương nước. Năm 1994, bà K chuyển nhượng diện tích đất trên cho ông A, sau đó ông A chuyển nhượng lại cho bà L.

- Ông Nguyễn Hồng A: Năm 1994 ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà K, ông không nhớ diện tích cụ thể, hiện nay nằm phía trên mương nước, hai bên có viết giấy tờ tay nhưng đã mất. Khi ông nhận chuyển nhượng thì đã thấy mương nước và ao. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông trồng cà phê trên đất, đối với phần diện tích giáp mương nước ông có trồng mít vào năm 1996, hiện nay vẫn còn vài cây. Khi ông chuyển nhượng cho bà L, hai bên thỏa thuận ranh giới phía sau thửa đất cách taluy 02m, đồng thời mương nước và ao là của ông C, bà H. Hiện nay ông C vẫn sử dụng mương nước và ao như cũ, không cơi nới thêm.

- Ông Phạm Trường G: Cuối năm 1986 ông mang máy ủi đến để gạt ao cho ông B. Ông không nhớ diện tích cụ thể nhưng vị trí ao là như hiện nay không thay đổi, lúc ông gạt ao thì chưa có mương nước.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 09-3-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 158, khoản 1 Điều 166, Điều 189 của Bộ luật Dân sự; khoản 16 Điều 3, Điều 202, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013, tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc buộc ông C, bà H phải trả lại 525m^2 đất theo kết quả đo đạc của Công ty TNHH Dịch vụ đo đạc AN và đổ 1.400m^3 đất để khôi phục nguyên trạng thửa đất do ông C, bà H làm sạt lở của bà.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21-3-2023, nguyên đơn bà Phan Thị L kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Ngày 06-6-2023, nguyên đơn bà Phan Thị L có đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc ông C, bà H phải trả lại diện tích đất 525m^2 đã lấn chiếm và đổ 1.400m^3 đất để khôi phục hiện trạng đất do ông C, bà H làm sạt lở của bà.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc buộc ông C, bà H phải đổ 1.400m^3 đất để khôi phục hiện trạng đất, giữ nguyên các nội dung kháng cáo khác; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị L, hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Phan Thị L nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định. Đối với đơn kháng cáo bổ sung đề ngày 06-6-2023 nội dung vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên căn cứ khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2]. Xét nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo:

[2.1]. Tại đơn khởi kiện, bà L yêu cầu Tòa án buộc ông C, bà H phải dỡ bỏ hàng rào lưới B40 để trả lại 700m^2 đất lấn chiếm; buộc ông C, bà H phải bồi thường thiệt hại do sạt lở đất, đổ gãy cây cối và khắc phục hiện trạng đất. Ngày 02-12-2021, bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc bồi thường thiệt hại . Ngày 28-12-2022, bà L có đơn yêu cầu phục hồi lại nội dung khởi kiện đã rút. Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải xem xét chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà L nhưng lại không tuyên đối với nội dung này là bỏ sót yêu

cầu khởi kiện của đương sự. Mặt khác, trong đơn khởi kiện bà L không nêu cụ thể số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng khi xử lý đơn khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu đương sự sửa đổi, bổ sung đơn và quá trình giải quyết vụ án cũng không lấy lời khai làm rõ.

[2.2]. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L yêu cầu ông C phải đổ 1.400m^3 đất để khôi phục hiện trạng đất do ông C làm sạt lở. Đây là yêu cầu khởi kiện bổ sung làm phát sinh quan hệ pháp luật mới vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, quá trình giải quyết vụ án chưa xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để làm rõ; chưa được hòa giải theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét nhưng lại tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà L về việc buộc ông C, bà H phải đổ 1.400m^3 đất khôi phục hiện trạng thửa đất là giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự.

[2.3]. Bà L trình bày nguồn gốc đất do bà L nhận chuyển nhượng của ông A vào năm 1998, tại thời điểm nhận chuyển nhượng đất chưa được cấp GCNQSDĐ, hiện trạng đất có mương nước và ao, gồm phần đất trên cao và phần đất dưới thấp giáp với bờ mương; trên phần đất nhận chuyển nhượng ông A đã trồng 03 cây mít. Ngày 24-10-2002, bà L được cấp GCNQSDĐ thửa đất số 390, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.460m^2. Bà L cho rằng ông C, bà H lấn chiếm thửa đất số 390 mà bà L đã được cấp GCNQSDĐ. Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện ông C, bà H có sử dụng một phần đất giáp ranh với thửa đất số 390 của bà L; ông C, bà H trình bày phần đất giáp ranh với bà L nằm ở vị trí ao, nguồn gốc do ông C, bà H nhận chuyển nhượng của người khác và chưa được cấp GCNQSDĐ. Theo tờ bản đồ số 07 đo đạc năm 1999 thể hiện thửa đất của bà L và ông C, bà H đã được cấp GCNQSDĐ không giáp ranh với nhau nhưng trên thực tế ông C, bà H có sử dụng đất giáp ranh với bà L, vị trí đất là ao, được thể hiện trên tờ bản đồ là thửa đất số 391 (*ao*). Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và lồng ghép 03 lần cho 03 kết quả khác nhau, tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập tờ bản đồ gốc số 07 đo năm 1999 để làm căn cứ lồng ghép nên cả 03 kết quả đều không thể hiện thửa đất số 391 nằm ở vị trí nào; chưa xác minh làm rõ thửa đất số 391 ký hiệu ao là loại đất gì, đang do cơ quan nào quản lý, có được cấp GCNQSDĐ hay không, nếu được cấp GCNQSDĐ thì hiện nay đã có ai đăng ký kê khai hay chưa? Đồng thời, thửa đất số 393 theo tờ bản đồ số 07 có một mặt giáp đường, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải lấy tim đường làm điểm cứng đo về phía sau để xác định độ dài của thửa đất số 390 và thửa đất số 393, từ đó mới có căn cứ xác định vị trí đất tranh chấp nằm ở thửa đất số 391 hay thửa đất số 390. Khi Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ các nội dung trên mà đã bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đủ căn cứ vững chắc.

[2.4]. Từ những vấn đề nhận định, phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và việc thu thập chứng cứ chưa thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà L, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2.5]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản mà đương sự đã nộp sẽ được xem xét, quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 09-3-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản mà đương sự đã nộp sẽ được xem xét, quyết định khi Tòa án giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà Phan Thị L số 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số X ngày 23-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND thành phố Gia Nghĩa;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố G;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Anh Ửng